

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3029/QĐ-UBND

*Phú Thọ, ngày 14 tháng 11 năm 2018*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt khu vực đấu giá, không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (đợt 01)**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 10/2014/QĐ-UBND ngày 25/8/2014, số 13/2015/QĐ-UBND ngày 17/9/2015, số 12/2016/QĐ-UBND ngày 04/5/2016, số 33/2016/QĐ-UBND ngày 08/11/2016, số 18/2017/QĐ-UBND ngày 03/4/2017, số 26/2017/QĐ-UBND ngày 18/10/2017, số 08/2018/QĐ-UBND ngày 21/5/2018, số 14/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (tờ trình số 824/TTr-TNMT ngày 24/10/2018, tờ trình số 825/TTr-TNMT ngày 24/10/2018),

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt khu vực đấu giá, không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (đợt 01) đối với các mỏ khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Thọ (gồm: Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố) chi tiết ở phụ lục số 01 và phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này. Khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 78 Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010; điểm a, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ) khi đáp ứng các tiêu chí sau: Khu vực có khoáng sản than, khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường được quy hoạch khai thác để cung cấp nguyên liệu phục vụ xây dựng các công trình sử dụng

ngân sách nhà nước (phát triển hạ tầng giao thông; công trình thủy lợi, thủy điện); công trình khắc phục thiên tai, địch họa; khu vực có khoáng sản dùng làm vật liệu san lấp phục vụ công trình hạ tầng giao thông, công trình phúc lợi thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới; khu vực hoạt động khoáng sản mà việc thăm dò, khai thác khoáng sản ở khu vực đó bị hạn chế.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

- Giao Công giao tiếp điện tử của tỉnh đăng tải trên trang thông tin điện tử tỉnh Phú Thọ danh sách khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (đợt 01) ban hành theo Quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với từng mỏ khoáng sản thuộc khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (đợt 01) theo quy định của nhà nước; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất báo cáo UBND tỉnh thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với từng mỏ khoáng sản thuộc khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (đợt 01) theo quy định của nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thực hiện, Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT;
- Các PCVP;
- Công giao tiếp điện tử tỉnh Phú Thọ;
- Lưu: VT, KT1(L-36b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Công Thủy**

**Phụ lục số 01: Các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 - đợt 01 (đã có trong Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030)**  
(kèm theo quyết định số: /QĐ-UBND ngày /11/2018 của UBND tỉnh)

Số TT	Địa điểm mỏ	Loại khoáng sản	Diện tích dự kiến (ha)	Quyết định QH, GPTD	Ghi chú
1	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, địa bàn các xã Phú Mỹ, Lệ Mỹ, Trì Quận - huyện Phù Ninh.	Cát, sỏi sông Lô.	19,79	Số 10/2014, số 13/2015.	
2	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, địa bàn xã An Đạo, Bình Bộ - huyện Phù Ninh.	Cát, sỏi sông Lô.	24,01	Số 06/GP-UBND ngày 28/02/2018.	
3	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, địa bàn các xã Đại Nghĩa, Phú Thứ, Hùng Long - huyện Đoan Hùng.	Cát, sỏi sông Lô.	20,44	Số 08/2018, số 14/2018.	
4	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, địa bàn xã Phú Thứ, Hùng Long - huyện Đoan Hùng.	Cát, sỏi sông Lô.	8,79	Số 08/2018, số 14/2018.	
5	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, địa bàn xã Hữu Đô và thị trấn Đoan Hùng - huyện Đoan Hùng.	Cát, sỏi sông Lô.	4,27	Số 08/2018, số 14/2018.	
6	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, địa bàn các xã Sóc Đăng, Hùng Long - huyện Đoan Hùng.	Cát, sỏi sông Lô.	12,24	Số 08/2018, số 14/2018.	
7	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, địa bàn xã Vụ Quang - huyện Đoan Hùng.	Cát, sỏi sông Lô.	9,23	Số 08/2018, số 14/2018.	
8	Mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, địa bàn xã Tiên Du - huyện Phù Ninh.	Cát, sỏi sông Lô.	18,40	Số 08/2018, số 14/2018.	
9	Mỏ cát lòng sông Hồng, địa bàn xã Xuân Huy - huyện Lâm Thao.	Cát sông Hồng.	59,70	Số 08/2018, số 14/2018.	

CÔNG BÁO/Số 09/Ngày 20-11-2018

43

Số TT	Địa điểm mỏ	Loại khoáng sản	Diện tích dự kiến (ha)	Quyết định QH, GPTD	Ghi chú
10	Mỏ cát lòng sông Hồng, địa bàn xã Chí Tiên - huyện Thanh Ba; thị trấn Sông Thao, xã Phú Khê - huyện Cẩm Khê.	Cát sông Hồng.	45,21	Số 08/2018, số 14/2018.	
11	Mỏ cát lòng sông Hồng, địa bàn các xã Hoàng Cương, Chí Tiên - huyện Thanh Ba.	Cát sông Hồng.	8,51	Số 08/2018, số 14/2018.	
12	Mỏ cát lòng sông Hồng, địa bàn xã Kinh Kệ - huyện Lâm Thao.	Cát sông Hồng.	10,00	Số 08/2018, số 14/2018.	
13	Mỏ cát lòng sông Hồng, địa bàn phường Minh Nông - thành phố Việt Trì.	Cát sông Hồng.	25,39	Số 08/2018, số 14/2018.	
14	Mỏ cát lòng sông Hồng, địa bàn xã Tân Đức - thành phố Việt Trì.	Cát sông Hồng.	38,33	Số 08/2018, số 14/2018.	
15	Mỏ cát lòng sông Hồng, địa bàn xã Phụ Khánh, Lâm Lợi - huyện Hạ Hòa.	Cát sông Hồng.	10,30	Số 30/GP-UBND ngày 03/4/2018.	
16	Mỏ cát lòng sông Hồng, địa bàn xã Cát Trù - huyện Cẩm Khê.	Cát sông Hồng.	11,97	Số 18/GP-UBND ngày 01/6/2017.	
17	Mỏ cát lòng sông Hồng, địa bàn xã Cao Xá - huyện Lâm Thao.	Cát sông Hồng.	24,44	Số 1126/QĐ-UBND ngày 19/5/2017.	
18	Mỏ cát lòng sông Hồng, địa bàn xã Hợp Hải - huyện Lâm Thao và xã Tam Cường - huyện Tam Nông.	Cát sông Hồng.	42,66	Số 10/2014, số 13/2015.	
19	Mỏ cát lòng sông Hồng, địa bàn xã Vĩnh Lại - huyện Lâm Thao.	Cát sông Hồng.	15,40	Số 26/2017.	
20	Mỏ cát lòng sông Hồng, địa bàn phường Bến Gót - thành phố Việt Trì.	Cát sông Hồng.	14,74	Số 08/2018, số 14/2018.	
21	Mỏ cát lòng sông Đà, địa bàn xã Đoan Hạ - huyện Thanh Thủy.	Cát sông Đà.	9,30	Số 05/GP-UBND ngày 27/02/2017.	
22	Mỏ cát lòng sông Đà, địa bàn xã Tu Vũ - huyện Thanh Thủy.	Cát sông Đà.	50,07	Số 10/2014,	

Số TT	Địa điểm mỏ	Loại khoáng sản	Diện tích dự kiến (ha)	Quyết định QH, GPTD	Ghi chú
				số 13/2015.	
23	Mỏ cát lòng sông Đà, địa bàn các xã Tân Phương, Thạch Đồng - huyện Thanh Thủy.	Cát sông Đà.	39,50	Số 10/2014, số 13/2015.	
24	Mỏ cát lòng sông Đà, địa bàn xã Đồng Luận - huyện Thanh Thủy.	Cát sông Đà.	15,00	Số 10/2014.	
25	Mỏ cát, sỏi lòng sông Búra, địa bàn xã Tân Phú, Minh Đài, Mỹ Thuận, Văn Luông - huyện Tân Sơn.	Cát, sỏi sông Búra.	73,48	Số 15/GP-UBND ngày 28/4/2017.	
26	Mỏ cát, sỏi ngòi Lao, ngòi Giành, địa bàn xã Mỹ Lung, Mỹ Lương, Lương Sơn - huyện Yên Lập.	Cát, sỏi ngòi Lao, ngòi Giành.	19,04	Số 10/2014, số 13/2015.	
27	Mỏ sét gạch ngói, cát lòng sông Hồng, địa bàn xã Vĩnh Lại - huyện Lâm Thao.	Sét gạch ngói, cát sông Hồng.	19,00	Số 16/GP-UBND ngày 17/02/2018.	
28	Mỏ cao lanh, địa bàn đồi Nhà Mụ, xã Hà Lộc - thị xã Phú Thọ.	Cao lanh.	1,86	Số 5797/UBND-KTTH ngày 15/12/2016.	
29	Mỏ quaczit đồi Bản Vãn - xã Giáp Lai - huyện Thanh Sơn.	Quaczit.	5,22	Số 08/2018, số 14/2018.	
30	Các mỏ sét gạch, ngói phục vụ sản xuất tại các nhà máy gạch tuynel ở các huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh.	Sét gạch, ngói.		Số 10/2014, số 13/2015, số 08/2018, số 14/2018.	

**Phụ lục số 02: Các khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 - đợt 01 (đã có trong Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030)**  
(kèm theo quyết định số: /QĐ-UBND ngày /11/2018 của UBND tỉnh)

Số TT	Địa điểm mỏ	Loại khoáng sản	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
1	Xã Bình Bộ, huyện Phù Ninh.	Cát, sỏi sông Lô.	14,2	
2	Xã An Đạo, huyện Phù Ninh.	Cát, sỏi sông Lô.	5,0	
3	Xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê.	Cát sông Hồng.	12,0	Lô số 01.
4	Xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê.	Cát sông Hồng.	12,0	Lô số 02.
5	Xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê.	Cát sông Hồng.	12,0	Lô số 03.
6	Xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê.	Cát sông Hồng.	12,0	Lô số 04.
7	Xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao.	Cát sông Hồng.	12,0	Lô số 01.
8	Xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao.	Cát sông Hồng.	12,0	Lô số 02.
9	Xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao.	Cát sông Hồng.	12,0	Lô số 03.
10	Xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao.	Cát sông Hồng.	12,0	Lô số 04.
11	Xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao.	Cát sông Hồng.	12,0	Lô số 05.
12	Xã Hiền Quan, huyện Tam Nông và xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ.	Cát sông Hồng.	12,0	Lô số 01.
13	Xã Hiền Quan, huyện Tam Nông và xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ.	Cát sông Hồng.	12,0	Lô số 02.

<b>Số TT</b>	<b>Địa điểm mỏ</b>	<b>Loại khoáng sản</b>	<b>Diện tích dự kiến (ha)</b>	<b>Ghi chú</b>
14	Xã Hiền Quan, huyện Tam Nông và xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ.	Cát sông Hồng.	12,0	Lô số 03.
15	Xã Hiền Quan, huyện Tam Nông và xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ.	Cát sông Hồng.	12,0	Lô số 04.
16	Xã Tinh Nhuệ, huyện Thanh Sơn.	Cát sông Đà.	12,0	Lô số 01.
17	Xã Tinh Nhuệ, huyện Thanh Sơn.	Cát sông Đà.	12,0	Lô số 02.
18	Xã Tinh Nhuệ, huyện Thanh Sơn.	Cát sông Đà.	12,0	Lô số 03.
19	Xã Tinh Nhuệ, huyện Thanh Sơn.	Cát sông Đà.	12,0	Lô số 04.